

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ TUẤN ANH

**TÌM HIỂU CHÚ GIẢI VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM
TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

THÁI NGUYÊN - 2009

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ TUẤN ANH

**TÌM HIỂU CHÚ GIẢI VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM
TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 60.22.34**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS NGUYỄN ĐĂNG NA**

THÁI NGUYÊN - 2009

QUY ƯỚC VIẾT TẮT

GS	: Giáo sư
GV	: Giáo viên
HS	: Học sinh
HDHB	: Hướng dẫn học bài
NXB	: Nhà xuất bản
PGS – TS	: Phó giáo sư – Tiến sĩ
SGK	: Sách giáo khoa
SGV	: Sách giáo viên
THPT	: Trung học phổ thông
TPVH	: Tác phẩm văn học

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Lịch sử vấn đề.....	3
4. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	7
6. Kết cấu của luận văn.....	7

NỘI DUNG

Chương 1: Những vấn đề chung về văn học trung đại liên quan đến việc nghiên cứu các chú giải văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT

1.1. Các giai đoạn phát triển của văn học trung đại Việt Nam.....	9
1.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học viết trung đại Việt Nam.....	12
1.3. Hai loại hình văn học cơ bản của văn học trung đại phương Đông	19

Chương 2: Nghiên cứu và hệ thống hoá các chú giải văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT

2.1. Thống kê và phân loại các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT.....	33
2.2. Nghiên cứu các phần tiêu dẫn, chú giải và câu hỏi hướng dẫn học bài phần văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT.....	39

Chương 3: Tìm hiểu việc giảng dạy và tiếp thu các chú giải văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn của giáo viên và học sinh ở trường THPT

3.1. Đối tượng và tư liệu khảo sát.....	62
3.2. Quá trình khảo sát và kết quả khảo sát.....	64
3.3. Các đề xuất và hướng giải quyết.....	73

KẾT LUẬN.....	75
----------------------	-----------

THƯ MỤC THAM KHẢO.....	79
-------------------------------	-----------

PHỤ LỤC.....	84
---------------------	-----------

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa có ai công bố trong một công trình nào khác.

Tác giả

Ngô Tuấn Anh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX (hay còn gọi là văn học trung đại) mang dấu ấn đậm nét của một thời một đi không trở lại và mang ý nghĩa to lớn trong lịch sử văn học nước nhà. Nó là nguồn động viên tinh thần lớn lao đối với thời đại bấy giờ.

Việc dùng các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố là đặc trưng của văn học trung đại Việt Nam. Các tác giả thời xưa ngay cả khi viết bằng chữ Nôm (một loại chữ của dân tộc) cũng sử dụng các từ ngữ cổ, các điển, tích điển cố trong tác phẩm của mình.

Ở môn Ngữ văn trường THPT, tác phẩm văn học trung đại chiếm số lượng rất lớn, bao gồm hai loại hình văn học. Đó là: loại hình văn học chức năng và loại hình văn học nghệ thuật. Xét về mặt tư duy nghệ thuật, ta nhận thấy phương thức biểu hiện trong văn học trung đại khác xa so với phương thức biểu hiện của văn học hiện đại. Vì thế **chú giải** có vị trí rất quan trọng để hiểu tác phẩm, bởi nó hướng đến đối tượng là giáo viên và học sinh. Do đó việc chú thích, cắt nghĩa các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố rõ ràng, chính xác sẽ giúp giáo viên và học sinh nắm được tác phẩm một cách toàn diện hơn, cũng như nắm được ý đồ tư tưởng, nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong đó.

Các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố được sử dụng trong bài văn, bài thơ thường có tác dụng nâng cao khả năng biểu đạt và tính chất hàm súc của ngôn ngữ văn học. Đinh Gia Khánh trong cuốn *Điển cố văn học* đã nhận định: “Nếu điển cố Hán học không lạ với những người có học thời xưa thì lại khó hiểu với đa số bạn đọc ngày nay”. Do đó khi các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam được giới thiệu trong chương trình Ngữ văn ở

trung học phổ thông thường kèm theo việc chú thích các từ ngữ Hán cổ, các điển tích, điển cố...Phần chú thích nhằm phục vụ cho việc tìm hiểu tác phẩm trong từng hoàn cảnh nên thường sinh động và ngắn gọn.

Khi trình độ tư tưởng chính trị và văn hóa của nhân dân ngày càng được nâng cao, thì nhân dân ngày càng có ý thức đầy đủ hơn về những giá trị tinh thần mà ông cha để lại, trong đó có phần đóng góp quan trọng của thơ văn Việt Nam thời trung đại. Để hiểu bước thông điệp nghệ thuật mà các tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại gửi gắm đến người đọc thì chúng ta không thể không tìm hiểu, cắt nghĩa các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố - một đặc trưng nghệ thuật phổ biến của thơ văn thời kỳ này.

2. Mục đích nghiên cứu.

2.1. Nghiên cứu và việc giải mã các chú giải nhằm khẳng định giá trị, tác dụng của nó trong việc dạy và học tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại ở môn Ngữ văn THPT.

2.2. Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, phân tích các chú giải được sử dụng trong văn học Việt Nam thời trung đại ở sách giáo khoa *Ngữ văn THPT*, luận văn vừa có thể tìm hiểu sâu hơn nền văn học ở thời kỳ này, vừa có thể thấy được sự chi phối và ảnh hưởng của nó đối với văn học ở thời kỳ sau, đáng phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy phần văn học này ở bậc THPT.

3. Lịch sử vấn đề

Xuất phát từ lý do, mục đích và phạm vi nghiên cứu của luận văn, do hạn chế về thời gian và nguồn tư liệu tham khảo, khả năng ngoại ngữ có hạn, chúng tôi không thể xem xét tất cả các công trình nghiên cứu cũng như các tài liệu tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm thời kỳ trung đại và việc sử dụng các **chú giải** trong đó trên một diện rộng. Việc tìm hiểu lịch sử vấn đề chúng tôi dựa vào một số tài liệu do các tác giả Việt Nam viết và chỉ tập trung vào một số công trình nghiên cứu về thơ văn chữ Hán và chữ Nôm

cùng với các bộ sách *Ngữ văn* được dùng trong trường phổ thông như: *sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập...* để giải mã các **chú giải**, khẳng định sự đóng góp của bộ phận văn học này cho nền văn học nước nhà.

Như chúng ta đã biết văn học thời kỳ này thường sử dụng ngôn ngữ mang đậm tính ước lệ, tượng trưng, quy phạm và nhiều điển tích, điển cố trong tác phẩm là một trong những đặc điểm chính của thơ văn Việt Nam thời trung đại.

Việc dùng các từ ngữ Hán Việt, các điển tích, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại Việt Nam được đông đảo giới nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Mỗi tác giả bàn đến một khía cạnh khác nhau về vấn đề mà luận văn nghiên cứu. Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu về các **chú giải** trong văn học trung đại Việt Nam, chúng tôi thấy có một số tài liệu đáng chú ý sau:

3.1. Sách *Thơ văn Lý - Trần* (3 tập), Nxb KHXH, H.1977

Tham gia biên soạn cuốn sách này bao gồm tập thể các tác giả, các nhà nghiên cứu: Nguyễn Huệ Chi, Đỗ Văn Hỷ, Trần Thị Băng Thanh, Đào Thái Tôn, Đặng Thai Mai... Bộ sách này chỉ rõ văn minh của Trung Quốc ảnh hưởng rất lớn tới các nước láng giềng. Sách khẳng định: "Từ ngữ trong thơ, kể cả thơ nói về đời sống tinh thần theo giáo lý Thích Ca thường thường vẫn được vay mượn trong sách vở thánh hiền và trong điển cố văn chương của Nho học, của Đạo học từ thời Xuân thu - Chiến quốc cho tới đời Đường, đời Tống... Khi người ta làm thơ bằng một thứ tiếng nước ngoài, lẽ tất nhiên phải uốn nắn ngòi bút của mình nếu không thì lời thơ sẽ lạc điệu" [55, 193 (tập 1)]. Sách đã chú thích xuất xứ, chú thích tên người, tên địa danh, chú thích nghĩa của từ, chú thích điển cố Nho, Phật, Lão và các loại điển cố rút từ nhiều sách, sử khác... Chú thích về nghĩa của từ, về điển cố không quá tỉ mỉ, rườm rà nhưng cũng không quá sơ lược.

Qua tìm hiểu chúng tôi nhận thấy cuốn sách này khẳng định việc sử dụng các từ ngữ cổ, các điển tích, điển cố trong tác phẩm là “lẽ tất nhiên” và là đặc trưng không thể thiếu của thơ văn giai đoạn này. Hơn nữa sách đã chú thích nghĩa của các từ ngữ Hán cổ, các điển tích, điển cố... giúp người đọc bước đầu tiếp cận được tác phẩm. Tuy nhiên có những tác phẩm mà từ ngữ, các điển tích, điển cố trong đó hàm chứa những ý nghĩa to lớn nếu chỉ theo chú thích của sách thì chưa đủ. Chẳng hạn bài thơ *Nam quốc sơn hà* có các từ ngữ đáng chú ý: **quốc, đế**... đã không được sách chú thích cụ thể, tỉ mỉ. Vì vậy để hiểu sâu sắc tác phẩm nêu chỉ dựa vào chú thích, cắt nghĩa ở trong cuốn sách này thì chưa đủ.

3.2 Bộ sách *Cơ sở ngữ văn Hán – Nôm* do Giáo sư Lê Trí Viễn chủ biên (Nxb Giáo dục – H.1986). Bộ sách gồm 4 tập. Sách này nghiên cứu các tác phẩm không theo trình tự thời gian, lịch sử mà nghiên cứu theo từng nhóm thể loại. Có chương nghiên cứu về: *chiếu, biểu, hịch, cáo*; có chương nghiên cứu về: *phú, văn tế*... Khi bắt đầu mỗi chương, sách mang đến cho người đọc cái nhìn khái quát về nguồn gốc, đặc trưng nội dung, nghệ thuật của thể loại được nói tới. Ở mỗi một thể loại sách lại đưa ra một vài tác phẩm làm dẫn chứng. Trong số tác phẩm đó, các soạn giả đã cho in nguyên bản chữ Hán, phiên âm Hán Việt, bản dịch nghĩa, giải nghĩa từ, ngữ pháp, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; phân tích, bình luận khái quát về mặt nội dung cũng như nghệ thuật của nó. Điều đáng chú ý ở bộ sách này là sau mỗi tác phẩm thuộc mỗi thể loại đa phần đều có nhận xét về nghệ thuật dùng các điển tích, điển cố...

So với cuốn *Thơ văn Lý - Trần*, cuốn sách này không chỉ đem đến cho người đọc cái nhìn khái quát, cơ bản về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm cũng như việc giải nghĩa từ, giải nghĩa các điển tích, điển cố... mà

sách còn đưa ra những nhận xét xác đáng về cách dùng từ ngữ trong từng tác phẩm, đặc biệt là việc nhận xét nghệ thuật sử dụng điển cố.

3.3. Cuốn *Ngữ văn Hán – Nôm* (3 tập) và *Thực hành ngữ văn Hán – Nôm* do Đặng Đức Siêu chủ biên. Hai cuốn sách này bổ sung, hỗ trợ cho nhau, cung cấp cho người đọc “cứ liệu chủ yếu” để “tiếp cận và đi sâu giải quyết vấn đề chữ nghĩa trong việc học tập ngữ văn Hán – Nôm”, thứ chữ nghĩa “mang đậm dấu ấn lịch sử, có nhiều điểm khác biệt so với lời lẽ trong hoạt động giao tiếp hàng ngày”. Sách khẳng định: “Một từ trong Hán văn cổ thường có nhiều nghĩa. Những nghĩa đó thường có mối liên quan lịch sử. Nắm được nghĩa gốc, nghĩa cổ, nghĩa mở rộng của từ là việc cần thiết để hiểu văn bản một cách chính xác theo đúng khuôn thước lịch sử của nó”. Thông qua một số văn bản tiêu biểu, mẫu mực, sách đã giải thích, cắt nghĩa những từ cổ, những điển tích, điển cố tương đối rõ ràng, dễ hiểu...

Những cuốn sách chúng tôi nêu trên về cơ bản đã nghiên cứu một chặng đường văn học dài từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX bao gồm những sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm.

3.4. Các sách khác

3.4.1. Nói về các chú giải còn có nhiều cuốn sách khác như *Từ điển văn liệu*, *Điển cố văn học*, *Từ điển điển cố văn học*, *Từ ngữ điển cố văn học*... Những cuốn sách này đã giải thích, cắt nghĩa các từ ngữ khó, các điển tích, điển cố thường gặp trong các tác phẩm văn học được học trong nhà trường. So với các cuốn sách chúng tôi trình bày ở trên thì các cuốn sách này giải thích, cắt nghĩa một cách khá chi tiết về nguồn gốc, xuất xứ của các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố. Có cuốn bên cạnh việc giải thích xuất xứ các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố còn nêu cả nghĩa biểu trưng, dẫn thơ văn để minh họa cho các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố

được đưa ra. Luận văn kế thừa tất cả những thành tựu nghiên cứu trên và đi sâu hơn nữa để phục vụ tốt cho mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

3.4.2. Bộ sách giáo khoa *Ngữ văn lớp 10, lớp 11* – Nxb Giáo dục, H. 2005 – 2006. Hai bộ sách này đã được các soạn giả dụng công tuyển chọn những tác phẩm văn học trung đại tiêu biểu để đưa vào chương trình học. Bên cạnh việc tuyển chọn những tác phẩm đó, các soạn giả đã rất chú ý tới việc chú giải các từ ngữ cổ, các từ Hán Việt, các điển tích, điển cố một cách tương đối rõ ràng, chính xác. Tuy nhiên ở một, hai trường hợp, phần *tiểu dẫn* vẫn nói một cách chung chung, chưa cụ thể hoặc là bỏ qua việc giới thiệu đặc trưng thể loại của tác phẩm được trích giảng. Ngoài ra phần *chú thích* ở sau mỗi tác phẩm, soạn giả chỉ mới đề ý đến việc giải nghĩa các từ Hán Việt mà không giới thiệu xuất xứ, nguồn gốc của các từ Hán Việt đó... Vì thế ở những trường hợp này nếu chỉ dựa vào *chú giải* thì sẽ không thể hiểu sâu sắc được giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

4. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu.

4.1. *Đối tượng*: Các tác phẩm được trích giảng trong văn học trung đại Việt Nam ở SGK *Ngữ văn THPT*.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*: Hệ thống *chú giải* được sử dụng trong các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở SGK *Ngữ văn THPT*.

4.3. *Nhiệm vụ nghiên cứu*.

- Giải mã lại một số từ Hán Việt, các điển tích, điển cố phần văn học trung đại trong SGK *Ngữ văn THPT*.

- Chỉ ra vai trò của các *chú giải* trong việc tìm hiểu một tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở SGK *Ngữ văn THPT*.

- Nêu ra vài biện pháp về cách *chú giải* trong các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở SGK *Ngữ văn THPT*.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Xuất phát từ mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, chúng tôi đưa ra những phương pháp cụ thể để tiến hành nghiên cứu và giải quyết luận văn này như sau:

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.

Sử dụng phương pháp này chúng tôi nhằm làm rõ các khái niệm: Văn, văn học chức năng, văn học nghệ thuật và những đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam.

5.2. Phương pháp thống kê phân loại.

5.3. Phương pháp đối chiếu so sánh.

6. Kết cấu của luận văn.

Luận văn gồm 81 trang, chia làm 4 phần.

6.1. Mở đầu: 09 trang.

6.2. Nội dung: 65 trang.

Chương 1: Những vấn đề chung về văn học trung đại Việt Nam (23 trang)

1.1. Các giai đoạn phát triển của văn học trung đại Việt Nam

1.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học viết trung đại Việt Nam

1.3. Hai loại hình văn học cơ bản của văn học trung đại phương Đông

1.3.1. Khái niệm "văn" thời cổ trung đại phương Đông

1.3.2. Loại hình văn học chức năng

1.3.3. Loại hình văn học nghệ thuật

Chương 2: Nghiên cứu và hệ thống hoá các chú giải văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT (29 trang)

2.1. Thống kê và phân loại các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT

2.2. Nghiên cứu các phần tiêu dẫn, chú giải và câu hỏi hướng dẫn học bài phân văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT

2.2.1. Về phần tiêu dẫn ở đầu mỗi tác phẩm được trích giảng

2.2.2. Về những chú thích phân văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn THPT

2.2.3. Về các câu hỏi hướng dẫn học bài và hướng dẫn đọc thêm

Chương 3: Tìm hiểu việc giảng dạy và tiếp thu các chú giải văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa Ngữ văn của giáo viên và học sinh ở trường THPT (13 trang)

3.1. Đối tượng và tư liệu khảo sát.

3.2. Quá trình khảo sát và kết quả khảo sát.

3.3. Các đề xuất và hướng giải quyết.

6.3. *Kết luận*: 04 trang.

6.4. *Thư mục tham khảo*: 03 trang.

6.5. *Phụ lục*: 10 trang.

NỘI DUNG

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trước khi giải quyết nhiệm vụ chính ở chương 2 (*Nghiên cứu và hệ thống hoá các chú giải văn học trung đại Việt Nam ở sách giáo khoa Ngữ văn THPT*), luận văn thấy cần thiết phải trình bày nội hàm một số khái niệm lý thuyết có liên quan đến vấn đề nghiên cứu như là *khái niệm văn, khái niệm văn học chức năng và văn học nghệ thuật*. Bởi đã có hiện tượng là một số nhà nghiên cứu và biên soạn sách giáo khoa đã xếp tác phẩm từ loại hình văn học này sang loại hình văn học khác (thí dụ: Coi một bài Kệ viết dưới hình thức một bài thơ là một bài thơ trữ tình) dẫn đến hậu quả là các chú giải và câu hỏi hướng dẫn học bài không phù hợp với bản chất loại hình của tác phẩm văn học đó. Tất nhiên việc làm như thế sẽ dẫn đến một hậu quả tiếp theo là việc giảng dạy của thầy và tiếp nhận tri thức của trò về mặt giá trị nội dung và nghệ thuật không chính xác. Xong trước khi trình bày những vấn đề lý luận nêu trên, để có cái nhìn khái quát về bước đi và diện mạo của văn học trung đại Việt Nam, chúng tôi sẽ trình bày ngắn gọn quá trình phát triển của văn học viết trung đại Việt Nam và những đặc điểm cơ bản của nó.

1.1. Các giai đoạn phát triển của văn học trung đại Việt Nam.

1.1.1. Giai đoạn từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIV.

Văn học giai đoạn này phát triển trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Đó là dân tộc ta vừa giành được quyền độc lập tự chủ vào giữa thế kỷ X và lập

nhiều kỳ tích trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược (chống quân Tống ở thế XI – XII; chống quân Nguyên Mông ở thế kỷ XIII); sau những cuộc chiến tranh vệ quốc là công cuộc xây dựng đất nước trong hoà bình. Chế độ phong kiến Việt Nam đang ở thời kì ổn định và phát triển.

Giai đoạn văn học này có những bước ngoặt lớn. Trước hết là văn học viết chính thức ra đời ở thế kỷ X (bài thơ sớm nhất là bài *Quốc tộ – Đỗ Pháp Thuận*) và tiếp đến là xuất hiện của văn học chữ Nôm ở thế kỷ XIII. Những bước ngoặt này mở ra sự phát triển mạnh mẽ của văn học dân tộc: Bên cạnh văn học dân gian đã có văn học thành văn, bên cạnh văn học chữ Hán đã có văn học chữ Nôm.

1.1.2. Giai đoạn từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVIII.

Đây là thời kì mà nhân dân ta tiếp tục lập lên những chiến công trong cuộc kháng chiến chống Minh ở thế kỷ XV, đưa chế độ phong kiến Việt Nam đạt đến cực thịnh ở cuối thế kỷ đó (dưới triều đại Lê Thánh Tông). Bước sang thế kỷ XVI, tuy chế độ phong kiến đã có những biểu hiện khủng hoảng dẫn đến nội chiến và đất nước bị chia cắt song nhìn chung tình hình xã hội vẫn tạm thời ổn định. Văn học giai đoạn này có bước phát triển mới, trong đó nổi bật nhất là những thành tựu nghệ thuật của văn học chữ Nôm (tiêu biểu là *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông; *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi; *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm; *Thiên Nam ngữ lục*; các truyện Nôm...). Hiện tượng văn - sử - triết bất phân khá đậm trong văn học Lý – Trần đã mờ dần từ thế kỷ XV, khi xuất hiện ngày càng nhiều tác phẩm giàu chất văn chương hình tượng.

1.1.3. Giai đoạn từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX.

Văn học giai đoạn này phát triển trong hoàn cảnh đất nước có nhiều biến động bởi nội chiến phong kiến dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng

của chế độ phong kiến và bão táp của phong trào nông dân khởi nghĩa mà đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn. Khởi nghĩa Tây Sơn cùng một lúc lật đổ các tập đoàn phong kiến thống trị ở trong nước cả đảng Trong và đảng Ngoài, đánh tan ngoại xâm ở phía Nam (quân Xiêm) và phía Bắc (quân Thanh). Nhưng phong trào Tây Sơn suy yếu và thất bại. Triều Nguyễn thống nhất đất nước thiết lập một chế độ phong kiến quan liêu mới và đất nước đứng trước hiểm hoạ xâm lăng của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Ở giai đoạn này, văn học phát triển vượt bậc, có nhiều đỉnh cao nghệ thuật (*Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm; *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều; *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; thơ Nôm của Hồ Xuân Hương; *Thượng kinh ký sự* của Lê Hữu Trác...). Đây là giai đoạn rực rỡ nhất của văn học trung đại Việt Nam vì nó vừa phong phú về mặt nội dung, vừa đa dạng về hình thức nghệ thuật. Đây cũng là thời kì mà lần đầu tiên các thể loại văn học dân tộc ra đời như: Ngâm khúc; Truyện Nôm; Thơ ca trù - hát nói...

1.1.4. Giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

Năm 1858 thực dân Pháp nổ phát súng xâm lăng đầu tiên vào cảng Đà Nẵng và từng bước xâm lược Việt Nam. Nhân dân cả nước kiên cường đứng lên chống giặc ngoại xâm, nhưng rồi đất nước dần dần rơi vào tay giặc và cuối cùng trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Xã hội Việt Nam chuyển dần từ xã hội phong kiến sang xã hội thực dân nửa phong kiến. Văn hoá Nho giáo truyền thống ngày bị mai một; văn hoá phương Tây bắt đầu có những ảnh hưởng tới đời sống xã hội Việt Nam.

Văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX phát triển rất phong phú và nhìn chung mang âm hưởng bi tráng. Ở giai đoạn văn học này, chữ Quốc ngữ (theo mẫu tự La Tinh) bắt đầu xuất hiện, nhưng văn học chữ Hán và

văn học chữ Nôm vẫn là chính. Sáng tác văn học chủ yếu vẫn theo thể loại và thi pháp truyền thống (Hịch – Văn tế...). Tuy nhiên sự xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ đã bước đầu đem đến cho văn học những nét mới theo xu hướng hiện đại hoá.

1.2. Những đặc điểm cơ bản của văn học viết trung đại Việt Nam.

Về những đặc điểm của văn học viết trung đại Việt Nam, chúng tôi thấy quan niệm của các nhà nghiên cứu như GS Lê Trí Viễn trong cuốn *Quy luật phát triển của văn học trung đại Việt Nam* và PGS – TS Nguyễn Đăng Na trong cuốn *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam* là hoàn toàn chính xác. Vì thế chúng tôi đã dựa vào đó, đồng thời có bổ sung thêm những suy nghĩ của mình. Tựu trung văn học trung đại Việt Nam có những đặc điểm sau:

1.2.1. Lấy văn học dân gian làm nền tảng.

Văn học dân gian của các dân tộc bao giờ cũng là cơ sở cho văn học thành văn nảy sinh, phát triển. Đặc biệt đối với Việt Nam thì điều này lại càng vô cùng quan trọng. Trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, bọn xâm lược đã phá hoại tàn nhẫn truyền thống văn hiến Việt để phục vụ cho mưu đồ "Hán hoá" của chúng. Nhưng linh hồn Việt vẫn trường tồn và quật khởi để cuối cùng giành lại được độc lập vào giữa thế kỷ X. Có được sức mạnh kỳ diệu ấy là bởi dân tộc ta có truyền thống văn hiến lâu đời mà văn học dân gian chính là một trong những phương tiện bảo lưu gìn giữ.

Nhận thức được tầm quan trọng mang ý nghĩa sống còn này, nên sau khi giành được độc lập, nền văn học trẻ Việt Nam mới ra đời đã hướng ngay về cội nguồn, khai thác văn học dân gian, lấy văn học dân gian làm cơ sở để xây dựng truyền thống cho văn học viết. Có thể nói văn học dân gian là nguồn cung dồi dào về nội dung cũng như kinh nghiệm nghệ thuật

cho văn học viết trung đại Việt Nam trong suốt 10 thế kỷ hình thành và phát triển của nó. Chỉ cần đọc một số tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại qua các giai đoạn như: *Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái, Thiên uyển tập anh ngữ lục...* thời Lý – Trần; *Quốc âm thi tập, Bạch vân quốc ngữ thi* thời Lê – Mạc; *Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương...* ta sẽ thấy rất rõ điều đó.

1.2.2. Tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo tinh hoa văn hoá và văn học nước ngoài.

Trước khi bị đế quốc phong kiến phương Bắc thống trị (năm 111 trước công nguyên) nước ta hình như chưa có chữ viết (mặc dù có thuyết nói rằng người Việt thời cổ đã có chữ viết giống hình con nòng nọc gọi là chữ Khoa đầu, nhưng cho đến nay giới khoa học vẫn chưa khẳng định được). Vì thế sau khi giành được độc lập người Việt đã dùng chữ Hán như một phương tiện văn hoá trong hoạt động giao tiếp xã hội cũng như trong sáng tác văn học. Tuy nhiên người Việt dùng chữ Hán theo cách riêng của mình và đây chính là điều kiện cho chúng ta dần tách khỏi phạm vi ảnh hưởng của văn hoá Hán.

Trên cơ sở chữ Hán và bộ chữ Hán đọc theo âm Hán Việt, cha ông ta đã sáng chế ra loại văn tự dân tộc chủ yếu dùng để ghi âm tiếng Việt. Đó là chữ Nôm - được coi là quốc ngữ thời đó. Từ thế kỷ XIII chữ Nôm được dùng để sáng tác văn học và cũng từ đó văn học trung đại Việt Nam song song tồn tại hai mảng sáng tác bằng hai loại ngôn ngữ văn tự, đó là: chữ Hán và chữ Nôm. Thời kì đầu (từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII) mảng văn học chữ Hán chiếm ưu thế; thời kì sau, đặc biệt là cuối thế kỷ XVIII, ngược lại văn học chữ Nôm lại đóng vai trò chủ đạo, nhất là trong sáng tác thi ca, còn trong văn xuôi chủ yếu vẫn dùng chữ Hán.

Cuối thế kỷ XVIII do giao lưu với phương Tây, một loại hình văn tự ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La Tinh ra đời. Loại văn tự này dần dần thay thế loại văn tự Hán và Nôm trong giao tiếp xã hội và trong sáng tác văn học. Từ đây nền văn dân tộc có thêm mảng văn học sáng tác bằng chữ Quốc ngữ hiện đại và cho đến nay nó chiếm ưu thế tuyệt đối.

Cùng với việc tiếp thu và sáng tạo ngôn ngữ văn tự là việc tiếp thu và sáng tạo các giá trị văn học từ nội dung cho đến hình thức nghệ thuật.

Về nội dung, chúng ta tiếp thu khá nhiều các tích truyện, cốt truyện và thi liệu văn học nước ngoài, nhất là của Trung Hoa trên tinh thần sáng tạo, mang đậm dấu ấn bản sắc Việt Nam. Những ví dụ điển hình như *Hoa tiên ký* của Nguyễn Huy Tụ; *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn – bản dịch của Đoàn Thị Điểm; *Tuông* của Đào Tấn...

Về hình thức thể loại: Thời kì đầu từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII chúng ta tiếp thu hầu hết các thể văn và thể loại văn học Trung Hoa như ***văn học chức năng hành chính*** có các thể: Chiếu, cáo, hịch, tấu...; ***văn học chức năng lễ nghi*** có Kệ, biến văn, văn tế, câu đối, trướng...; ***văn học nghệ thuật*** có thơ ca, từ khúc, truyện truyền kỳ, tiểu thuyết chương hồi... Vẫn là tiếp thu trên tinh thần sáng tạo người Việt đã Việt hoá khá thành công một số thể văn và thể loại văn học Trung Hoa như là thể phú, thể thơ Đường luật (Hồ Xuân Hương là một thí dụ tiêu biểu). Cũng từ thể thất ngôn Trung Quốc kết hợp với thơ ca dân gian, người Việt đã sáng tạo ra thể thơ song thất lục bát - Một hình thức tối ưu cho thể loại thơ trữ tình Ngâm khúc.

Từ thế kỷ XVIII do yêu cầu bức thiết của thời đại, do được thừa hưởng những kinh nghiệm nghệ thuật từ truyền thống văn học dân tộc và do tiếp thu một cách có chọn lọc, sáng tạo tinh hoa văn học nước ngoài,

nền văn học trung đại Việt Nam đã sản sinh ra cùng một lúc ba thể loại văn học lớn. Đó là *thơ trữ tình ngâm khúc, truyện Nôm, thơ ca trữ – hát nói*. . Đây là thời điểm đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của văn học trung đại Việt Nam, bởi vì theo M.Bakhtin – nhà khoa học nhân văn lỗi lạc người Nga thì “thể loại chứ không phải là phương pháp hoặc trường phái sáng tác mới là nhân vật số một của tấn kịch lịch sử văn học” [3, 7].

Cùng với việc tiếp nhận văn học Trung Hoa, người Việt còn tiếp thu từ nền văn học Ấn Độ, đặc biệt là hệ tư tưởng Phật giáo và các loại hình văn học Phật giáo. Ngoài ra chúng ta còn tiếp nhận tất cả những cái hay, cái đẹp của các nền văn hoá và văn học khác như Lào, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc... để làm giàu cho kho tàng văn học nghệ thuật Việt Nam.

1.2.3. Gắn bó với vận mệnh đất nước và số phận của những con người Việt Nam.

Do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, nền văn học trung đại Việt Nam đã gắn bó máu thịt với vận mệnh đất nước, số phận những con người Việt Nam ngay từ khi mới ra đời. Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tiến trình phát sinh, phát triển của mười thể kỷ văn học trung đại.

Buổi đầu dựng nước văn học tập trung khẳng định sự trường tồn, tất thắng của dân tộc Việt Nam.

Văn học Lý – Trần với những *Việt điện u linh* của Lý Thế Xuyên, *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh – Kiều Phú tràn đầy niềm tự hào dân tộc; với những *Lộ bố phạt Tống* của Lê Đại Hành và *thơ thần* của Lý Thường Kiệt tràn đầy tinh thần yêu nước, tự chủ tự cường; với *Dự chu ti tướng hịch văn* của Trần Hưng Đạo; thơ Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão rùng rục hào khí Đông A.